

Ca Dao, Dân Ca Kinh Xáng, Cửu Long Nguyễn Văn Ba

Đồng bằng sông Cửu Long, phần đất cuối cùng của tổ quốc, chặng đường chót của cuộc Nam Tiến mở rộng cõi bờ, nơi có điều kiện khí hậu thuận lợi, đất đai màu mỡ, thường được nhắc đến như là kho lương thực của cả nước. Lúa vàng nặng trĩu trên đồng ruộng, cá tôm đầy tràn trên sông rạch... Ngoài cá lớn, tôm to còn có lươn dài, ếch bự, rùa vàng... Đời sống vật chất phong phú, sung túc. Nhưng khi nói chuyện văn chương, thi phú, phần đất phía cực nam này ít được nói đến so với những vùng phía bắc. Sự việc tương đối dễ hiểu. Lịch sử văn minh Việt Nam ở đồng bằng sông Cửu Long chỉ được trên dưới bốn thế kỷ, nên đóng góp của cư dân vùng này vào kho tàng văn chương phải giới hạn, khiêm tốn nếu đem so sánh với chiều dài văn hiến bốn ngàn năm chung của cả dân tộc. Sự giới hạn, khiêm tốn của văn chương truyền khẩu ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long một phần còn do việc ghi chép chưa đầy đủ, hệ thống hóa chưa hoàn hảo nên chưa được phổ biến sâu rộng trong dân gian. Dù vậy, ngoài tính chất thừa kế và phát huy, những gì còn tồn tại đến ngày nay đã cho thấy nhiều điều mới lạ, thể hiện tính chất đặc thù của môi sinh cùng với đời sống dân cư trong vùng. Ca dao, dân ca vùng đồng bằng sông Cửu Long, một cách tổng quát, là đề tài khá rộng lớn, bao hàm nhiều lãnh vực khác nhau. Bài này được giới hạn trong phạm vi hai yếu tố thiên nhiên quan trọng đã là môi trường xúc tác cho việc sáng tác: đất và nước. Đất ở đây là nơi có ruộng, vườn, rừng tràm, rừng đước. Còn nước là sông cái, sông con, ao hồ, kinh rạch... Như vậy vẫn còn khá rộng. Xin giới hạn thêm, trong một trường hợp cụ thể, rõ ràng: Chỉ ghi lại một số ca dao, dân ca cận đại liên quan tới môi trường sông nước, không do thiên nhiên tạo ra mà do con người. Đó là những kinh rạch nhân tạo, đầu tiên được đào bằng tay chân, về sau đào bằng máy và gọi là kinh xáng.

Những kinh đào tay dùng toàn sức người và dụng cụ thô sơ như xuồng, len, cuốc... Công việc vất vả, mất nhiều thời giờ lại tùy thuộc thời tiết. Kinh loại này thường ngắn như kinh Thủ Thừa nối liền hai nhánh sông Vàm Cỏ Đông Tây, dài 9 cây số do ông Mai Văn Thừa xuất tiền mộ phu. Kinh Ba Thê, còn gọi là Kinh Núi Sập (Thoại Sơn) hay Thoại Hà, do Nguyễn Văn Thoại đốc suất, rộng khoảng 30 m, dài 32 km, nối liền một số thủy đạo giữa hai tỉnh Long Xuyên Rạch Giá, đào mất một tháng (năm 1818), sử dụng 1500 dân làm xâu. Kinh Vĩnh Tế (Vĩnh Tế Hà) qui mô và quan trọng nhất, do Tổng Trấn Gia Định Lê Văn Duyệt đề nghị với triều đình Huế, cũng được Trấn Thủ Vĩnh Thành Nguyễn Văn Thoại trực tiếp đôn đốc. Kinh rộng 20 m, dài 72 km, dọc theo biên giới Cao Miên từ sông Hậu đến cửa Giang Thành Hà Tiên, sử dụng hơn 80 ngàn dân làm xâu, ròng rã 5 năm, từ tháng chạp năm 1819 đến tháng 5 năm 1824. Việc đào kinh Vĩnh Tế đã làm hàng trăm dân phu thiệt mạng do nặng nhọc, nền đá cứng, sơn lam chướng khí, thời tiết khắc nghiệt, muỗi, vắt, ác thú... cùng với số người bỏ trốn, chết trong rừng hay vô bụng cá mập Vàm Nao.

Về sự lao khổ của dân phu đào kinh, có thể dẫn chứng bằng đoạn về sau đây:

... Chia ba người một thước
Đào sâu xuống nước
Hai thước sáu ba
Bề ngang đào qua

Là sáu thước chắn
Việc mần mệt nặng
Kẻ cuốc người rinh
Chừa hai bên kinh
Đắp hai đường lộ
Việc mần cực khổ
Mệt đổ hết hơi
Không dám nghỉ ngơi
Cực đả quá cực
Phần thời nắng nực
Lại không nước uống...

Dù gian lao, khó nhọc, hao tổn sanh linh, nhưng việc hoàn thành kinh Vĩnh Tế quả có đem lại nhiều lợi ích thiết thực và lâu dài về quốc phòng (án ngữ biên giới), canh nông (dẫn nước phèn ra vịnh Thái Lan, nước ngọt từ sông Hậu vô ruộng), mua bán, giao thông... Dân chúng tự hào về kinh Vĩnh Tế qua câu tục ngữ:

Mắm Châu Đốc, dốc Nam Vang,
Bò Châu Giang, kinh Vĩnh Tế.
Trai gái dùng con kinh làm đề tài đối đáp. Gái hò:
Hò ơ ơ... Đường từ Châu Đốc Hà Tiên
Đường nào chạy thẳng nối liền hai nơi
Đất nào lắm dốc nhiều đồi
Đền nào cao nhứt người người đều nghe
Sông nào tấp nập thuyền bè
Hồ nào với biển cặp kè bên nhau
Trai nào nổi tiếng anh hào
Anh mà đối đặng má đào em xin trao ơ...

Trai đáp:

Hò ơ ơ... Em ơi!
Đường từ Châu Đốc Hà Tiên
Có kinh Vĩnh Tế nối liền hai nơi
Đất Nam Vang lắm dốc nhiều đồi
Đền cao Châu Đốc mọi người đều nghe
Sông Cửu Long tấp nập thuyền bè
Biển Hồ hai chữ cặp kè bên nhau
Trai Việt Nam nổi tiếng anh hào
Anh đả đối đặng, vậy mà đào em trao đây ơ...

Từ cuối thế kỷ 19 đến đầu 20, một hệ thống kinh rạch đã hình thành khắp nơi ở vùng đồng bằng sông Cửu Long bằng phương tiện cơ giới gọi là xáng. Thời đó kỹ thuật móc đất còn thô sơ, chưa có xáng thổi, chỉ có xáng cặp. Xáng cặp gồm hai miếng sắt rất nặng hình cong như hai cái muỗng, đưa lên cao, mở rộng ra, hay đổi vị trí, buông xuống, khép lại... Bởi cần cẩu và dây cáp, động tác cặp đất của xáng tương tự cầm cái muỗng múc nên được gọi nôm na là xáng múc. Sức làm việc của xáng nhanh chóng,

mạnh mẽ, tương đương với cả trăm nhân công, nên để chỉ người lười biếng, ăn nhiều, ăn nhanh, làm ít, chậm chạp, thời ấy có câu:

Ăn như xáng múc,
Làm như lục bình trôi.

Chuyên viên trắc địa phóng đường trước, xáng theo sau, rầm rộ cả đoàn người và máy móc. Công trường xáng cạp giống như cái chợ nhỏ lưu động. Đất mới đổ lên hai bên bờ kinh, chưa kịp khô đã có nông dân và gia đình bơi xuồng, chèo ghe tới, giành địa thế kinh sâu nước chảy ngã ba (ngã ba vàm xáng) để cất nhà, bắt đầu lập nghiệp dẫu rằng chỉ cách chưa đầy trăm thước phía trong vẫn còn khung cảnh hoang dã với đồng chua, rừng tràm dày đặc cỏ, gai.

Rồi kinh xáng hoàn thành. Trên con kinh xanh dài mút mắt bắt đầu có tiếng tàu Tây chạy xập xình. Những đêm trăng thanh gió mát, tiếng hò giao duyên văng vẳng:

Hò hơ ơ ơ...
Kinh xáng mới đào
Tàu Tây mới chạy
Thương thì thương đạ
Bớ điệu chung tình
Chớ con nhận bay cao khó bán
Còn con cá ở ao quỳnh ơ ơ khó câu!

Hò hơ ơ ơ...
Kinh xáng mới múc
Chiếc tàu xà lúp nó chạy cũng thường
Em muốn ăn con lươn nấu với thịt sườn
Muốn về Trà Ba Lớn nọ ơ ơ ờ...
Cho tiện đường thăm anh ơ...

Có hai loại kinh xáng ở đồng bằng sông Cửu. Thứ nhất là kinh xuôi, thường dài, rộng, giúp nước lưu thông giữa đồng ruộng và sông lớn hoặc vịnh Thái Lan như kinh xáng An Long, kinh Tháp Mười thuộc tỉnh Kiến Phong (Cao Lãnh) đổ nước ra Tiền Giang; kinh Ba Thê-Mai Dung, Rạch Giá-Long Xuyên, Rạch Giá-Hà Tiên, Cái Sắn thuộc địa phận các tỉnh An Giang và Kiên Giang, kinh Cái Lớn, Long Mỹ, Quan Lộ-Phụng Hiệp thuộc các tỉnh Phong Dinh (Cần Thơ), Chương Thiện, Bạc Liêu... đổ nước ra sông Hậu hoặc vịnh Thái Lan.

Thứ hai là kinh ngang, thường hẹp, ngắn, như cây cầu nối những kinh xuôi lại với nhau. Hệ thống kinh xuôi và kinh ngang dày đặc như lưới nhện. Chỉ riêng trong tỉnh Phong Dinh, từ bắc xuống nam bên hữu ngạn sông Hậu đã có nhiều kinh xuôi lớn: Kinh Thị Đới từ Thới Lai đi Rạch Giá; kinh Saintenoy theo tuyến đường Rạch Gòi-Phụng Hiệp-Sóc Trăng; kinh Lacote từ Rạch Gòi đến Cái Dứa... Và chỉ riêng kinh Xà No từ rạch Cần Thơ (Cái Răng) chạy qua chợ Vị Thanh tỉnh Chương Thiện, ăn thông với kinh Ô Môn và nhiều kinh rạch của Rạch Giá đã là một công trình lớn, bề mặt 60m, đáy rộng 40 m, dài gần 40 km.

Nước ngọt sông Cửu Long theo kinh xáng vô ruộng; nước phèn, nước tù theo kinh xáng ra biển. Những khu vực trước kia là đồng chua đầy năng, lác, đế, sậy, là rừng tràm hoang vu... trở thành đồng lúa phì nhiêu, vườn cây ăn trái xanh tốt, năng suất lúa gia tăng gấp hai, ba lần. Song song với đời sống vật chất ngày thêm dồi dào, dân cư dọc theo kinh xáng trở nên văn minh hơn, đời sống tinh thần cao

hơn. Họ tổ chức những cuộc hát hò, đối đáp giữa thanh niên và thiếu nữ trong vùng do hương chức hội tề bô lão làm giám khảo. Có nơi tổ chức lớp dạy hò, hay hát đối. Thầy dạy hò ở Cần Thơ (Long Xuyên, Cái Tắc, Phong Điền) nổi tiếng có tài. Ca dao, câu hò, lời đối đáp mang địa danh mới, chuyên chở sinh hoạt cùng tâm tình, suy nghĩ... của cư dân trong vùng. Sau đây là một bài tiên biểu theo điệu Lý Ngựa Ô:

Ngó kìa mà ngó lên vòm xáng ý xáng Xà No. Dưới sông đông đảo, trên bờ lạo xạo lại có chiếc tàu đò. Lãng xãng chạy xuống Sóc Trăng, chạy về Long Mỹ. Tình nhân ôi! Đạo vợ chồng anh không nghĩ thì thôi!

Cũng có những câu ca dao hóm hỉnh, cợt đùa hay lãng mạn, tình tứ:

Chiều chiều ra đứng bờ kinh
Gặp người góa bụa tui rình vô nhà.
Anh về để áo lại đây,
Khuya nay em đắp, gió tây lạnh lùng.
Gió lạnh lùng lầy mừng mà đắp,
Trả áo anh về đi học kéo trưa.

Sự hấp dẫn muôn đời của ca dao và dân ca vẫn luôn là những mẫu đối đáp qua lại giữa trai và gái như đoạn hò theo điệu huê tình sau đây:

Ơ ơ ớ...
Đèn treo dưới xáng
Tỏ rạng bờ kinh (ờ)
Em có thương anh
Em nói cho thiệt tình (ờ)
Để anh lên xuống
Ơ ơ chớ một ơ ơ mình ờ bơ vơ

Đối với sự mở lời của một chàng trai như trên, các cô có nhiều cách trả lời. Nếu muốn dùng thời gian để thử thách, cô nàng ỡm ờ:

Đèn treo dưới xáng
Tỏ rạng bờ kinh
Đường Bình Thủy lưu linh
Đáo tại Long Xuyên
Xin anh giữ dạ, chịu phiền đôi năm.

Bình Thủy là một chợ nhỏ nằm trên đường liên tỉnh từ Cần Thơ đi Long Xuyên, thuộc xã Long Xuyên. Cụ Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa, con rồng vàng đất Đồng Nai thuở sanh tiền sống tại đây và khi qua đời phần mộ cũng tại nơi này.

Nếu như cô thôn nữ thuận tình nhưng còn bị vòng lễ giáo trói buộc, cô sẽ trả lời:

Nay em còn cha còn mẹ
Còn cô còn bác,
Nên em không dám tự tung tự tác một mình
Anh có thương em

Xin cây mai dong tới nói,
Cha mẹ đành thì em cũng sẽ ưng.

Trường hợp chàng trai miệng ve vãn, tay nắm chun khều, giờ trò xàm xỡ, có thể bị cô gái "sửa lưng" như sau:

Cá lý ngư sầu tư biếng lội
Chim phượng hoàng nhớ cội biếng bay
Anh thương em đừng vội nắm tay
Miệng thể gian ngôn dục
Phụ mẫu hay sẽ rầy rà.

Và cũng có trường hợp rất đau, rất ngớ ngàng, vì nàng đã có chồng:

Nước mắt ngon chấm con cá liệt,
Em có chồng rồi, nói thiệt anh hay.

Hãy tưởng tượng một đêm trăng trên lòng kinh sáng, hai chiếc ghe, một trước một sau, lướt nhẹ theo dòng nước. Chàng trai phía sau ướm thử mấy câu:

Bớ chiếc thuyền loan,
Khoan khoan bớt mái
Đặng đây tỏ mấy lời phải trái nghe chơi...

Câu hò lơ lửng vì chàng không biết người ở ghe trước là ai, tâm tính thế nào, nhưng thật may, phía trước là một cô gái, cô biết hát hò, lại ngọt ngào hưởng ứng sự giao duyên:

Bớ chiếc ghe sâu,
Chèo mau em đợi,
Kéo khỏi đoạn kinh này bờ bụi tối tăm!

Đúng vậy, qua khỏi một đoạn kinh trống trải, nước rẽ vào nhánh sông, rạch nhỏ, những bụi ô rô, cóc kèn, dứa nước, đám bần, đám lác... sẽ làm phong cảnh trở nên tối tăm, hoang dại. Chàng trai một mặt ra sức đẩy mạnh mái chèo, một mặt hò với mấy câu:

Thuyền em đã nhẹ,
Chèo lẹ khôn theo
Em ơi, bớt mái khoan lèo chờ anh!

Hữu tình ta lại gặp ta, nàng sẵn lòng chờ, một lần nữa dịu ngọt đáp lời:

Đây đã chèo lời,
Đặng chờ người tri kỷ
Gặp mặt chuyện trò cho phi ước mơ!

Rồi tiếp theo là biết bao nhiêu lời hỏi đáp, thơ mộng có, mà rắc rối khó khăn cũng nhiều, để thử thách, tìm hiểu tài năng, kiến thức, nét na của nhau, tạo nên biết bao nhiêu bài ca dao trữ tình, bất hủ.

Tâm tình của mấy cô thôn nữ miệt kinh sáng ra sao? Họ muốn anh bạn tình mua sắm cho mình cái gì?

Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Xà No
Anh có thương em xin sắm một con đò
Để em qua lại mua cò gởi thơ.

Tùy người, tùy hoàn cảnh có thể được sửa đổi thành:

Cái Răng, Ba Láng Vàm Xáng, Xà No
Anh có thương em hãy mua chiếc đồ
Để em qua lại đặng thăm dò ý anh.

Hoặc:

Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền
Anh có thương em thì cho bạc cho tiền
Đừng cho lúa gạo xóm giềng cười chê.

Phong Điền, quận thứ 6 của tỉnh Phong Dinh, nằm trên bờ sông Cần Thơ, gần kinh xáng Xà No với 5 xã Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Mỹ Khánh, Trường Long, Cầu Nhiên là một trung tâm văn minh miệt vườn của miền Tây, rất nhiều lúa gạo. Cụ cử Phan Văn Trị lúc tuổi già có về xã Nhơn Ái mở trường dạy học, phần mộ còn nơi đây.

Từ khi kinh xáng xuất hiện, lòng sâu, mặt rộng, mỗi mùa lúa, ghe chài của người Hoa ở Chợ Lớn theo kinh Chợ Gạo, đổ xuống miệt sông Tiền sông Hậu mua lúa đem về chà gạo bán cho dân Sài Gòn và xuất cảng ra nước ngoài. Từ sông lớn, ghe theo kinh xáng Xà No, kinh xáng Thị Đới... tới đồng ruộng tỉnh Cần Thơ, hoặc theo kinh xáng Phụng Hiệp xuống Sóc Trăng, Bạc Liêu. Ghe chài cần người vác lúa. Thanh niên nông dân ở các địa phương phần muốn kiếm thêm tiền, phần nghe đất Sài Gòn hòn ngọc Viễn Đông, đèn màu rực rỡ, phố xá tân kỳ, muốn đi chơi cho biết nên xin làm bạn (phu) vác lúa cho ghe chài. Được tin, cô thôn nữ lo lắng, ngăn cản người yêu:

Em khuyên anh đừng làm bạn ghe chài.
Cột buồm cao, bao lúa nặng, tấm đòn dài khó đi.

Lời khuyên thật chí lý, chí tình. Việc vác lúa cho ghe chài quả có nặng nhọc, hiểm nguy, nhưng sự tò mò, óc cầu tiến, máu giang hồ, chí làm trai... đã thúc giục người nông dân trẻ quyết ý ra đi. Chàng đã trả lời nàng cũng thật đầy đủ lý tình:

Lúa mùa rồi trả nợ nần sạch ráo,
Để anh đi kiếm chén cháo đổi lấy chén cơm,
Trước là cho biết cái xứ Sài Gòn,
Sau nữa mua cái quần lãnh với gói bòn bon tặng con bạn tình.

Tặng quần lãnh và bòn bon (một loại kẹo nhỏ nhiều màu, tròn, lớn bằng đầu ngón tay) là cách biểu lộ tình cảm chân thật, đơn giản, không kiêu cách, màu mè của người nông dân trẻ.

Rồi chàng thanh niên theo ghe chài, cả mấy tháng không tin tức, tăm hơi. Cô thôn nữ lòng son héo hắt, nhớ ghe chài gọi lên Sài Gòn cho chàng bức thơ như sau:

Trời chiều bóng ngả về tây,
Em thương nhớ bạn như cây nhớ rừng.
Con kinh xanh nước chảy không cùng,
Em đây với bạn, khi nào trùng lai?
Phượng hoàng đậu nhánh cắm lai,
Dặn lòng người ngãi chớ sai lời thề.
Đường đi kinh xáng dầm dề.
Sao anh không gửi thơ về thăm em?

Từ đất Sài Gòn hoa lệ, chàng vội vã hồi âm:

Gió lung lay mới biết từng bá cứng
Lửa có hồng mới rõ thức vàng thau.
Thân tầm còn trả nợ dâu,
Bước lên ghe mặt ủ gan rầu,
Qua đây với bậu hẹn có ngày gần nhau
Tình qua với bậu làm sao phụ phàng
Sài Gòn thiên hạ nhộn nhàng,
Qua đây nhớ bậu, chẳng ham màng cuộc chơi.

Thấm thoát tháng lại ngày qua, thời gian vác lúa cho ông chủ Huê kiều sắp hết, người nông phu trẻ trở lại miền quê kinh xáng với biết bao rạo rức, nhớ thương. Từ trên mũi chiếc ghe chài cao nghệu, anh thấy ở đằng xa, thật xa, khói lên mù mịt cánh đồng, khói quyện dầy nhà lá đơn sơ dọc theo bờ kinh xáng...

Ngồi trên mũi ghe chài lớn
Cầm lái về kinh xáng Thời Lai
Nhìn thấy khói đốt đồng mù mịt lên khơi,
Bây giờ anh mới biết chán đời đi ghe.
Con gà nó gáy te te,
Phải chăng nó kêu người lưu lạc trở về rừng xanh?
Em ơi, chờ cho ghe lúa tới chành,
Anh biểu thằng cha tài phú tính sổ đề anh dứt nợ ghe chài.

Nợ ghe chài đã dứt nhưng con bạn tình đầu chẳng thấy đón, hay nó chờ đợi không nổi, nó bỏ anh rồi? Cầm xấp vải Mỹ A trơn với gói bòn bon trên tay, anh đi kiếm bạn.

Thật sự là ghe chài anh về bến, cô bạn tình bạn nghĩa còn cả ra ngã ba vàm xáng, tới chành lúa đón anh, nhưng dọc đường cô hay tin anh đã bứt mấy cái răng vàng. Cô ghét người bứt răng vàng lắm, mở miệng cười nụ là thấy "vàng khè", "cười lên đi cho răng vàng sáng chói". Cô lại bị tụi con nít hát hò chế giễu nên cô mắc cỡ và quay về nhà:

Cây vông đồng không trồng mà mọc,
Rễ vông đồng đâm dọc trở ngang.
Cám trong nong trộn lẫn trấu càng,
Thấy anh đi làm mướn mà bứt răng vàng, thiệt khó coi!

Dân kinh xáng tuy có văn minh hơn hồi ở rừng, ở ruộng, nhưng vẫn còn khá bảo thủ, không ưa những kiểu mới, kiểu Sài Gòn nên họ chê bai, dèm pha hầu hết những cái mới mang từ Sài Gòn về như bứt răng vàng, bao lưới đầu tóc, tô son môi, đeo kiếng mát...

Đầu bao lưới như chài mắc gốc,
Miệng tô son như té dập môi,
Mắt đeo kiếng mát giống như thòi lòi.

Thòi lòi đây là một loại cá nhỏ sống trong hang, cạnh bãi bùn. Mỗi khi trời mưa lớn, nước ngập hang, cá thòi lòi bị ngộp chun ra, giương cặp mắt đen to tướng ra nhìn bàng quan thiên hạ. Thấy người đeo kiếng mát, dân quê hay gheo là bữa nay trời mưa, cá thòi lòi bò ra khỏi hang.

Tuy nhiên, đâu có vì cái chuyện bịt răng vàng lẻ tẻ đó mà con bạn tình bỏ anh. Cô chỉ mắc cỡ chút thôi, làm nũng chờ anh tới nhà để thử thi:

Quả năm ngăn trong lòng sơn đỏ,
Mấy lời anh to nhỏ, em bỏ bạn sao đành!
Chừng nào chiếc xáng nọ bung vành,
Tàu Tây liệt máy, em mới đành bỏ anh.

Chàng và nàng có biết đâu, với sức mạnh trường kỳ chiến đấu của toàn dân Việt Nam, quyết giành tự do, độc lập, cuối cùng thực dân Pháp đã rút quân ra khỏi nước ta, khác nào tàu Tây liệt máy, xáng Tây bung vành. Nhưng câu hò tiếng hát của chàng và nàng đã đi vào văn chương bình dân miền kinh xáng trên phần đất cực nam của quê hương.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi nào có đồng ruộng, vườn cây ăn trái, có sông nước, kinh rạch, có ghe xuồng, chợ búa, khói bếp, ánh đèn,... nơi đó có ca dao, câu hò, tiếng hát thấm đượm tình quê. Nơi đây, chốn hải ngoại ngàn trùng xa cách quê hương, với tấm lòng hoài niệm, bằng chủ đích bảo tồn những di sản văn hóa tốt đẹp của cha ông, chúng ta, mỗi người hồi tưởng, góp tay ghi lại, tập trung, hệ thống hóa, như số báo đặc biệt này, những gì còn nhớ được trước khi chúng mờ nhạt theo thời gian.

Hồn quê nương cánh ca dao,
Bay qua biển rộng thắm vào tâm can.

Nguồn: <http://saigontimesusa.com>